

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: **91/2022/DS-ST**

Ngày: 24/8/2022

*“Tranh chấp hợp đồng dân sự
về vay tài sản”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đạt

2. Bà Lê Thị Bé Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Cường là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 230/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc Tr, sinh năm 1984, có mặt.

Địa chỉ: Tổ 08, khu phố L, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà Lại Thị H, sinh năm 1982, có mặt.

Địa chỉ: Tổ 03, ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại tòa án nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Tr trình bày:

Ngày 30/11/2018 bà có cho bà Lại Thị H vay số tiền 30.000.000đ và đến ngày 25/02/2020 bà tiếp tục cho bà H vay thêm số tiền 10.000.000đ, thời hạn 03 tháng, hai bên có thỏa thuận lãi suất 7%/tháng. Tổng cộng 02 khoản vay với số tiền 40.000.000đ. Do biên nhận số tiền 30.000.000đ bà H lấy làm 02 đợt tiền nên bà có sửa chữa số tiền trong biên nhận. Việc bà H khai có nhờ em chồng bà H là ông Trần Văn Đ trả góp tiền gốc cho bà mỗi ngày 50.000đ với số tiền 4.500.000đ là

không đúng. Bà thừa nhận có nhận tiền của em chồng bà H tên Trần Văn Đ trả góp tiền lãi mỗi ngày 50.000đ được số tiền 2.500.000đ.

Bà cung cấp 02 đoạn ghi có giọng nói của bà H và yêu cầu giám định giọng nói của bà H nhưng kết quả giám định không được.

Nay bà Tr chỉ yêu cầu bà H trả lại số tiền 30.000.000đ theo như bà H khai, rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền 10.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày làm biên nhận đến ngày xét xử.

Bị đơn bà Lại Thị H trình bày: Bà thừa nhận có vay tiền của bà Lê Thị Ngọc Tr làm 03 lần, lần đầu vay số tiền 10.000.000đ, lần hai đưa thêm một số tiền và cộng nợ tiền lãi với nợ gốc cũ thành số tiền 20.000.000đ, lần 03 đưa thêm số tiền và cộng nợ tiền lãi với nợ gốc cũ thành số tiền 30.000.000đ tổng cộng 03 lần vay là 30.000.000đ, hai bên có thỏa thuận trả lãi suất 7%/tháng. Bà H khai em trai chồng tên Trần Văn Đến đã trả góp tiền gốc mỗi ngày 50.000đ cho bà Tr được số tiền 4.500.000đ. Nay bà H còn nợ bà Tr tiền gốc là 25.500.000đ

Số tiền em trai chồng tên Trần Văn Đ trả góp cho bà Tr mỗi ngày 50.000đ được số tiền 4.500.000đ là do bà Tr và em trai chồng bà có nói chuyện với nhau, chốt lại số nợ gốc là 30.000.000đ nên em trai chồng tên Trần Văn Đ mới đứng ra trả góp mỗi ngày 50.000đ cho bà Tr, khi trả không có giấy tờ hay biên nhận gì cả. Ngoài ra bà H có trả lãi cho bà Tr được số tiền 25.000.000đ, không có làm biên nhận hay giấy tờ gì cả. Nay bà H yêu cầu Tòa án xem xét việc tiền lãi đã đóng cho bà Tr.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán cần khắc phục thời gian giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc Tr. Buộc bà Lại Thị H trả nợ vay gốc số tiền 30.000.000đ cùng với lãi suất kể từ ngày viết biên nhận đến ngày xét xử theo quy định pháp luật cho bà Lê Thị Ngọc Tr.

Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vấn đề án phí và các vấn đề khác theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn bà Lại Thị H có nơi cư trú tại: Tổ 03, ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương,

tỉnh Kiên Giang. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Giữa bà Lê Thị Ngọc Tr và bà Lại Thị H có giao dịch dân sự vay tiền với nhau, bà Tr có cho bà H vay số tiền 30.000.000đ, hai bên có làm biên nhận vào ngày 20/11/2018 và ngày 25/02/2020, bà Tr giao tiền trực tiếp cho bà H.

Tại phiên tòa bà Tr yêu cầu bà H trả nợ vay số tiền 30.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật (đối với số tiền 20.000.000đ kể từ ngày 20/11/2018, đối với số tiền 10.000.000đ kể từ ngày 25/02/2020) đến ngày xét xử. Hội đồng xét xử nhận thấy có sở chấp nhận. Bởi lẽ, giữa bà Tr, bà H có giao dịch vay tiền với nhau, phía nguyên đơn đã cung cấp giấy vay tiền vào ngày 20/11/2018 và ngày 25/02/2020 có chữ ký, ký tên ghi họ và tên của bà H nhưng bà H chỉ thừa nhận chữ ký, họ tên trên giấy vay tiền vào ngày 20/11/2018 là do bà ký và ghi họ tên của mình, còn chữ ký, họ tên trên giấy vay tiền vào ngày 25/02/2020 không phải do bà ký và họ tên của mình. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà H thừa nhận có vay tiền của bà Tr số tiền 30.000.000đ.

[3] Về lãi suất: Bà Tr yêu cầu bà H trả lãi suất theo quy định pháp luật trên số tiền 30.000.000đ kể từ ngày viết biên nhận đến ngày xét xử là có cơ sở. Bởi vì, khi vay các bên có thỏa thuận lãi suất với nhau trong giấy vay tiền ngày 20/11/2018 và ngày 25/02/2020. Bà H thì cho rằng đã đóng tiền lãi cho bà Tr được số tiền 25.000.000đ nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Ngoài ra bà H khai em chồng tên Trần Văn Đ có đóng tiền gốc cho bà Tr mỗi ngày 50.000đ được số tiền 4.500.000đ. Nhưng phía bà Tr không thừa nhận có nhận tiền gốc cùng tiền lãi như lời bà H khai mà từ khi cho vay đến nay bà chỉ nhận tiền lãi của bà H được số tiền 2.500.000đ do ông Đ đóng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bà Tr về yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật là phù hợp được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 lãi suất là 20%/năm, theo đó lãi suất được tính như sau: Lãi suất tính từ ngày 20/11/2018 đến ngày 24/8/2022 là 45 tháng 04 ngày trên số tiền 20.000.000đồng $[(45 \text{ tháng} \times 1,66\% \times 20.000.000\text{đ} = 14.940.000\text{đ}) + (04 \text{ ngày} \times 0,055\% \times 20.000.000\text{đ} = 44.000\text{đ}) = 14.984.000\text{đ}]$ và lãi suất tính từ ngày 25/02/2020 đến ngày 24/8/2022 là 30 tháng trên số tiền 10.000.000đồng $(30 \text{ tháng} \times 1,66\% \times 10.000.000\text{đ}) = 4.980.000\text{đ}$. Như vậy, bà Tr đã nhận tiền lãi của bà H số tiền 2.500.000đ, căn trừ vào tiền lãi bà Tr được nhận thì bà H còn phải trả tiền lãi số tiền 17.464.000đ $(19.964.000\text{đ} - 2.500.000\text{đ})$ cho bà Tr.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà Tr xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền 10.000.000đ nên Hội đồng xét xét chấp nhận yêu cầu này của bà Tr và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tr về số tiền 10.000.000đ

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tr và buộc bà H trả nợ gốc lãi số tiền 47.464.000đ (trong đó nợ gốc là 30.000.000đ và nợ lãi là 17.464.000đ) cho bà Tr.

[4] Về án phí: Bà H bị buộc trả số nợ gốc và lãi 47.464.000đ nên phải chịu án phí theo quy định. Bà Tr được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 463; 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuyên xử:

1/ Buộc bà Lại Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ vay gốc lãi số tiền 47.464.000đ (trong đó nợ gốc là 30.000.000đ và nợ lãi là 17.464.000đ) cho bà Lê Thị Ngọc Tr.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc Tr về số tiền 10.000.000đ

Kể từ ngày nguyên đơn có yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3/ Về án phí: Áp dụng Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bà Lại Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.373.200đ.

Bà Lê Thị Ngọc Tr được nhận lại tạm ứng án phí số tiền là 1.000.000đ theo lai thu số 0000300 ngày 20/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

Về chi phí giám định: Hoàn trả lại số tiền 5.000.000đ tạm ứng chi phí giám định giọng nói cho bà Lê Thị Ngọc Tr. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bà Lê Thị Ngọc Tr liên hệ tại Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương để nhận lại số tiền nêu trên.

4/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/8/2022).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- THA dân sự h. Kiên Lương;
- Đương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cao Thị Mai